

Bản án số: 09/2024/KDTM-PT
Ngày 28-6-2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ
bảo vệ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang.

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp;

Ông Trần Tuấn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Nguyễn Trần An - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 và 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 07/2024/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ bảo vệ”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2024/QĐPT-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐ-PT ngày 05-6-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn X; Địa chỉ: Số G, L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P – Chủ tịch Hội đồng thành viên. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông P:

1. Ông Quách Đức T – Giám đốc dự án – (có mặt)

2. Bà **Trần Thị Thu H** – Nhân viên pháp lý . (có mặt)

3. Bà **Đoàn Thị Cẩm L** – Kế toán trưởng. (vắng mặt)

- Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D**; Địa chỉ: **Số B, đường C, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Hiếu N** – Giám đốc.(vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông **N**: Ông **Phan Anh T1** – Nhân viên. (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn - **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 04-7-2023, khởi kiện bổ sung ngày 26-10-2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và Người đại diện theo ủy quyền của trình bày:

Ngày 21-4-2020, **Công ty Trách nhiệm hữu hạn X** (từ đây gọi tắt là **Công ty X**) có ký Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 2020.HLS/DT3.COC.16 với **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D** (từ đây gọi tắt là **Công ty D**) để bảo vệ Dự án năng lượng mặt trời giai đoạn 3 tại **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh** do **Công ty X** làm chủ thầu. Quá trình thực hiện Hợp đồng, **Công ty X** đã giao toàn bộ Hệ thống tiếp địa đã được thi công cho **Công ty D** bảo vệ. Tuy nhiên, vào tháng 11-2020, **Công ty X** phát hiện bị mất trộm một lượng lớn dây đồng trần C50 đã được thi công tại dự án. Sau đó, **Công ty X** đã nhiều lần yêu cầu nhưng **Công ty D** không hợp tác kiểm tra số lượng dây đồng bị mất. Những nơi bị mất trộm dây đồng của Hệ thống tiếp địa đã được **Công ty X** bàn giao cho **Công ty D** theo các Biên bản bàn giao từ tháng 7-2020 đến tháng 10-2020. Để đảm bảo theo yêu cầu an toàn hoạt động của Nhà máy, theo chỉ thị từ chủ đầu tư, **Công ty X** đã phải làm lại hết toàn bộ hệ thống tiếp địa bị mất này với giá 1.377.686.189 đồng. Hệ thống tiếp địa mới đã được nghiệm thu, xác nhận đồng ý đưa vào hoạt động của Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát của Chủ đầu tư.

Đến ngày 01-4-2021, **Công ty X** đã làm đơn trình báo gửi **Công an huyện T**, tỉnh Tây Ninh để điều tra, xác minh làm rõ về việc bị mất trộm dây đồng nói trên. Ngày 15-4-2021, **Công ty X** S gửi cho **Công ty D** Thông báo số 210513/DT3.3/PMO/TB-003 và những tài liệu đính kèm về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị mất Hệ thống tiếp địa với tổng giá trị thi công và vật tư để khắc phục lại hệ thống tiếp địa là 1.377.686.189 đồng. Ngày 06-8-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T**, tỉnh Tây Ninh đã ban hành Thông báo kết luận giám định số 83/TB kèm theo đó là Thông báo định giá tài sản số 18/TB ngày 06-8-2021 kết luận: 7.510,4 m dây đồng trần xoắn C-50 mm² nhãn hiệu Cadivi tại thời điểm tháng 11-2020 trị giá 665.478.000 đồng. Ngày 06-8-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T**, tỉnh Tây Ninh ra Thông báo giải quyết nguồn tin về tội phạm số 94/TB với nội dung: Quá trình điều tra xét thấy vụ

việc trên có dấu hiệu tội phạm Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và đã ra Quyết định khởi tố vụ án trên. Đến ngày 09-12-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh ra Thông báo về việc tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự vì chưa xác định được bị can. Đến ngày 17-01-2023, TAND tỉnh Tây Ninh đã xét xử vụ án trên theo Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST, theo đó Bản án buộc 04 bị cáo trong vụ án phải liên đới bồi thường cho Nhà máy Đ (Chủ đầu tư) số tiền 100.314.000 đồng tương ứng với 1.114,6 m dây đồng mà 04 bị cáo trên đã lấy trộm, còn lại 6.395,8 m dây đồng bị mất còn lại thì chưa xác định được người đã lấy trộm.

Ngày 15-8/2022, Công ty X thuê Công ty TNHH Đ1 thẩm định giá đối với các tài sản bị mất, theo đó giá trị tài sản được thẩm định theo Chứng thư thẩm định giá là 1.312.819.569 đồng. Tuy nhiên, đối với thiệt hại về vật tư bị mất thì nay Công ty X S đồng ý dùng Kết luận định giá tài sản số 29 ngày 03-6-2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T làm căn cứ giải quyết vụ án này, không yêu cầu định giá lại; đối với tiền công lắp đặt và tiền thuế VAT thì Công ty yêu cầu sử dụng kết quả thẩm định giá của Công ty TNHH Đ1 để làm căn cứ giải quyết vụ án này.

Nay, căn cứ vào khoản 6.2 Điều VI bồi thường thiệt hại theo Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 2020.HLS/DT3.COC.16 ngày 21-4-2021 và Điều 306 của Luật kinh doanh thương mại, Công ty X yêu cầu Công ty D bồi thường số tiền 1.388.486.239 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ tháng 5-2021 là 599.207.661 đồng, tổng cộng là 1.987.756.900 đồng. Nếu Công ty D đồng ý trừ toàn bộ số tiền phí dịch vụ mà Công ty X phải trả theo Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 01 ngày 09-02-2023 của TAND tỉnh Tây Ninh thì Công ty X cũng sẽ không yêu cầu khởi kiện Công ty D về việc bồi thường này nữa và xem như hai bên không còn quyền và nghĩa vụ gì với nhau. Ngoài ra, Công ty X không yêu cầu gì khác.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D trình bày:

Việc khởi kiện của Công ty X trong vụ án này là không có căn cứ, bởi lẽ: Vụ án Trộm cắp tài sản đối với Hệ thống tiếp địa mà Công ty X khởi kiện yêu cầu Công ty D bồi thường trong vụ án này đã được giải quyết xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 17-01-2023 đã có hiệu lực thi hành. Số tiền yêu cầu bồi thường của Công ty X là không có căn cứ, không có một kết luận nào về số lượng tài sản thiệt hại do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh đưa ra tại thời điểm đó, tất cả đều do Công ty X tự suy luận ra. Công ty D cho rằng Công ty X đang cố gắng trì hoãn nhằm mục đích kéo dài thời gian thi hành Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2022/KDTM-ST ngày 05-10-2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã có hiệu lực thi hành. Đối với những lần mất trộm tài sản mà Công ty D ghi nhận được thực tế tại hiện trường thì Công ty D đã chủ động bồi thường cho Công ty X S và đều có chứng từ đầy đủ trên hồ sơ thanh toán phí dịch vụ bảo vệ hàng tháng chứ Công ty D không chối bỏ trách nhiệm bồi thường. Trong quá trình thực hiện hợp đồng dịch vụ bảo vệ thì Công ty X thường xuyên thanh toán chậm trễ phí dịch vụ,

Công ty D phải gửi đề nghị thanh toán nhiều lần và định điểm có lần phải thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo vệ thì Công ty X mới thanh toán. Công ty D cũng đồng ý yêu cầu sử dụng Kết luận định giá số 29 ngày 03-6-2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 17-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và Kết quả định giá của Công ty TNHH Đ1 để làm căn cứ giải quyết vụ án này, không yêu cầu định giá lại.

Nếu Công ty X S đồng ý trả cho Công ty D 500.000.000 đồng tiền phí dịch vụ bảo vệ thì Công ty D đồng ý không yêu cầu trả số tiền phí dịch vụ bảo vệ còn lại theo Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 01/2023/KDTM-PT ngày 09-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh; phần phí dịch vụ phải trả còn lại theo Bản án trên xem như Công ty D hỗ trợ bồi hoàn cho Công ty X trong vụ án này. Nếu Công ty X không đồng ý với đề nghị này thì Công ty D không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X. Ngoài ra, Công ty D không yêu cầu gì khác.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Căn cứ vào các Điều 74, 78, 302, 303, 304 của Luật kinh doanh thương mại; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn X đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ bảo vệ.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền tổng cộng là 1.023.352.745 (một tỷ không trăm hai mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi lăm) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn X đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D về việc yêu cầu bồi thường 78.644.284 (bảy mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi bốn) đồng tiền thuế VAT.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Nội dung kháng cáo:**

Ngày 14-3-2024 đại diện của Công ty TNHH MTV D kháng cáo, không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ khởi kiện của Công ty TNHH X.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH MTV D trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do sau:

- Bản án số 09/2023/HSST ngày 17-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xác định tư cách tham gia tố tụng không đúng về bị hại. Công ty D là bị hại nhưng không đưa tham gia tố tụng với tư cách là bị hại trong vụ án. Từ việc xác định sai tư cách tham gia tố tụng nên dẫn đến việc không xác định đúng giá trị thiệt hại. Từ đó giá trị bồi thường rất thấp so với yêu cầu giá trị thực tế.

- Công ty D đã thực hiện xong việc bồi thường vào các đợt 6 (01-10-2020 đến 31-10-2020), đợt 7 (01-11-2020 đến 30-11-2020), đợt 8 (01-12-2020 đến 31-12-2020) tổng các đợt thanh toán là 194.824.555 đồng, hai bên tự thỏa thuận bồi thường khi chưa được cơ quan pháp luật giải quyết.

- Về xác định hiện trường, số lượng thực tế mất trộm dây đồng: Cơ quan điều tra không mời Viện kiểm sát tham dự, Công ty D chỉ có bảo vệ tại khu vực ký tên, việc này ảnh hưởng lớn đối với Công ty do không tham dự, nên không biết được số lượng thực tế bị mất trộm.

- Theo hợp đồng tại đoạn 1 Điều 4.2: Bàn giao tài sản có niêm phong hay kiểm kê cụ thể, thực tế không thực hiện đúng, sau này phía công ty có ủy quyền mới, sau khi xảy ra mất trộm các bên mới khắc phục thực hiện cho đúng hợp đồng.

- Sau khi lắp đặt hệ thống mới, biên bản bàn giao khối lượng thiết bị được thi công trùng với số lượng mất thực tế. Đang điều tra vụ án cũng lắp đặt lại, do đó, có mất nhưng không nhiều đến như vậy.

Phía nguyên đơn Công ty TNHH X- ông T đại diện trình bày: Bị đơn có bồi thường 03 lần nhưng là tài sản khác không thuộc tài sản trong vụ án này, có biên bản trong hồ sơ vụ án. Sau khi phát hiện mất trộm có thông báo với bị đơn bằng email đầy đủ và yêu cầu phối hợp điều tra số lượng bị mất trên hiện trường, khi mùa nước nổi có biên bản đơi nước rút sẽ kiểm tra, sau đó nước rút có thông báo cho Hoàn H1 phối hợp thực hiện tiếp. Công Ty X đã cung cấp đầy đủ tài liệu, thông báo.... Vì thiết bị tiếp địa giá rất cao, tiến độ làm đều có biên bản bàn giao vào mỗi buổi chiều, có đánh dấu, quá trình thực hiện có biên bản nghiệm thu công trình. Do đó không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

Bà Thu H trình bày bổ sung: Cuối ngày có biên bản nghiệm thu, không có quy định lãnh đạo hay ai ký, trong một thời gian rất dài, bảo vệ là người bảo vệ dự án là người của bị đơn ký tên, thời gian dài không có ý kiến. Sau khi mất trộm xong thì phía bị đơn đã thống nhất phụ lục bổ sung là có biên bản nghiệm thu.

Trong phần tranh luận:

Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày: Số lượng bị mất cấp lớn, mức nước sâu, điều kiện khắc nghiệt thì làm sao lấy trộm được số lượng lớn. Do đó số lượng này không phù hợp, chỉ đồng ý bồi thường 500.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bởi các căn cứ sau:

Hai bên thừa nhận ký hợp đồng bảo vệ, tại Điều 6 Công ty D phải bồi thường khi bị mất cắp.

Căn cứ biên bản bàn giao kéo dài nhiều tháng, tài sản trong, ngoài, trên, dưới, nghĩa vụ bảo vệ ghi rõ tại hợp đồng. Hoàn Hảo có nghĩa vụ bồi thường theo Điều 302, Điều 303 Luật Kinh doanh Thương mại

Theo bản án số 09/2023/HSST ngày 17-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thì định giá hơn 7000 mét, định giá hơn 600 triệu đồng cụ thể là 675.936.000 đồng. Công ty X đã bàn giao tài sản xong và việc bàn giao là có thật, sau khi mất trộm đã tiến hành thi công lại cũng bàn giao cho Công ty D bảo vệ, không có ý kiến gì. Việc làm lại là có thật, phát sinh từ việc mất trộm

Đối với việc chậm thanh toán không phát sinh nghĩa vụ bảo vệ giữa Công ty D và Công ty X; Công ty D có thể yêu cầu phạt. Kết thúc tháng 10 không đúng, thời hạn trong hợp đồng là không thời hạn. Công ty D muốn chấm dứt hợp đồng chỉ cần gửi thông báo, chứ không phải tiếp tục hợp đồng mà lơ là để mất tài sản.

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn tham gia tranh luận: Công ty D phải biết rõ sự việc này, mỗi tháng trả từ 300-500 triệu đồng cho việc bảo vệ công trường, nước lên khó khăn cho Công ty thì không đúng, Công ty phải đủ năng lực, thì mới nhận bảo vệ, nhận tiền của Hoàng Liên S1.

Công ty X cũng hiểu nước lên, có cuộc họp tăng từ 18 chốt lên hơn 30 chốt, tự đánh dấu để tăng cường bảo vệ, Công ty X đã chi tiền gấp đôi vào mùa nước lên. Công ty D cho rằng không thể mất trộm số lượng lớn như vậy là không đúng, bằng chứng là 04 người trong vụ án hình sự đã lấy hơn 1000 met, thì số lượng còn lại cũng dễ dàng không vô lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ vào kết luận điều tra của công an tỉnh T và Bản án số 09 ngày 17-01-2023 của Tòa án tỉnh Tây Ninh, có căn cứ xác định tháng 11-2020 Công ty N1 bị mất trộm 7.510,4 m dây đồng trần xoắn trị giá 675.936.000 đồng. Bản án đã giải quyết 1.114,6 m dây đồng, trị giá 100.314.000 đồng. Căn cứ vào Điều 6.2 của hợp đồng dịch vụ bảo vệ thì phía bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường

số còn lại. Phía bị đơn đề nghị xem xét lại bản án số 09 ngày 17-01-2023 của Tòa án tỉnh Tây Ninh là không có căn cứ.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được hỏi tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của luật sư, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14-3-2024 đại diện ủy quyền của bị đơn ông **Phan Anh T1** kháng cáo, qua xem xét đơn kháng cáo phù hợp với trình tự, thủ tục quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của **công ty D** là ông **Võ Hiếu N** vắng mặt đã có người đại diện theo ủy quyền; Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là **Nguyễn Văn P** và người đại diện theo ủy quyền bà **Đoàn Thị Cẩm L** vắng mặt đã có người đại diện theo ủy quyền là ông **T** bà **H**. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét về quan hệ pháp luật giải quyết, thấy rằng: **Công ty TNHH X** được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên vào năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 vào ngày 03-6-2021 do ông **Nguyễn Văn P** làm Chủ tịch Hội đồng thành viên đại diện theo pháp luật là doanh nghiệp hoạt động hợp pháp, vào ngày 21-4-2020 đại diện của **Công ty X** ký kết hợp đồng dịch vụ bảo vệ với **Công ty TNHH MTV D**, nội dung là bảo vệ công trình: **Nhà máy Đ** – giai đoạn 3 (90MwAC) thuộc địa bàn **huyện T, tỉnh Tây Ninh**. Quá trình thực hiện hợp đồng phát sinh tranh chấp, do công trình bị mất trộm. **Công ty X** khởi kiện yêu cầu **Công ty D** có nghĩa vụ bồi thường, phía **công ty D** không đồng ý. Các bên đương sự có tranh chấp về hợp đồng dịch vụ. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ bảo vệ” theo Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn là **công ty TNHH MTV D**, Hội đồng xét xử, thấy rằng: Phía bị đơn **Công ty D** khiếu nại Bản án số 09/2023/HSST ngày 17-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã không đưa công ty tham gia tố tụng với tư cách bị hại trong vụ án là sai, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty. Xét thấy, bản án hình sự sơ thẩm nêu trên hiện đang có hiệu lực thi hành, không thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng xét xử trong vụ án này. Mặt khác, theo

hợp đồng dịch vụ bảo vệ thì công ty D có nghĩa vụ bảo vệ an toàn tài sản, ngoài ra không giao quyền sở hữu tài sản cho công ty D.

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thống nhất sử dụng kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 29/KL-HĐDDG ngày 03-6-2021 và chứng thư thẩm định giá ngày 10-8-2022 của công ty TNHH Đ1 để giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Trong thời gian thực hiện hợp đồng dịch vụ bảo vệ, phía bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn vào các đợt 6, 7, 8 do để mất trộm xảy ra, việc bồi thường này không liên quan đến yêu cầu bồi thường trong vụ án này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết luận giám định số 29 ngày 03-6-2021; Bản Kết luận điều tra số 90/KL-CSHS ngày 31-10-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HSST ngày 17-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đang có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[3.3] Công ty X là chủ dự án xây dựng Nhà máy điện năng lượng mặt trời D – giai đoạn 3 – tại huyện T, tỉnh Tây Ninh. Ngày 21-4-2020 Công ty X ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ với Công ty D, nội dung là bảo vệ an toàn trang thiết bị, tài sản cho đến hết công trình hoặc có thông báo chấm dứt hợp đồng giữa 2 bên, nếu mất tài sản phải bồi thường. Cùng ngày ký hợp đồng các bên tiến hành bàn giao tài sản.

[3.4] Quá trình thực hiện hợp đồng đến tháng 11-2020 Công ty X phát hiện bị mất trộm số lượng lớn dây cáp đồng trần xoắn C50 mm² (loại dây tiếp địa), đã có đơn tố cáo gửi C, Tại kết luận điều tra Công an tỉnh T, xác định số tài sản bị mất trộm vào tháng 11-2020 là 7.510,4 mét dây đồng trần xoắn C50 mm² nhãn hiệu Cadivi theo Kết luận số 29 ngày 03-6-2021 về định giá tài sản trong tố tụng hình sự, xác định 7.510,4 mét dây đồng trần xoắn C-50 mm² nhãn hiệu Cadivi có giá trị là 675.936.000 đồng và tại Bản án sơ thẩm hình sự số 09/2023/HSST ngày 17-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xác định, trong số 7.510,4 m dây đồng trần xoắn chỉ xác định các bị cáo (L1, T2, L2, Q, B) đã trộm 1.114,6 m trị giá 100.314.000 đồng. Số còn lại 6.395,8 m trị giá 575.622.000 đồng chưa xác định được đối tượng trộm nên đã tách vụ án tiếp tục điều tra xử lý sau.

[3.5] Xét về số lượng bị mất trộm, theo tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Cơ quan điều tra đã có 4 biên bản xác định hiện trường, dựng hiện trường từ ngày 02-4-2021 đến ngày 09-9-2021 đã xác định dây đồng trần xoắn bị mất trộm ở B Block (từ Block 1-> Block A, Block A, Block B, Block B, Block B) với tổng chiều dài 7.510,4 mét, có căn cứ xác định các bị cáo trong vụ án hình

sự đã cắt trộm dây tiếp địa ở Block 19, 21, 23, 26 với tổng chiều dài 1.114,6 mét trị giá 100.314.000 đồng, số tiền này đã được giải quyết trong bản án hình sự sơ thẩm số 09 nêu trên, bản án đang có hiệu lực pháp luật, nên số còn lại 575.622.000 đồng và lãi xuất theo quy định, phía Công ty X khởi kiện là có căn cứ.

[3.6] Số tiền chi phí lắp đặt là có thật, có tài liệu chứng thư thẩm định giá của Công ty Đ1 và phía bị đơn cũng đồng ý sử dụng chứng thư thẩm định giá này để giải quyết vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bồi thường là có căn cứ. Về số tiền thuế VAT có căn cứ xác định là 40.702.950 đồng. Tổng 03 khoản bồi thường có căn cứ theo pháp luật là 1.023.352.745 đồng.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận phía bị đơn đồng ý bồi thường 500.000.000 đồng nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Và bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật và Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ vào các Điều 74; Điều 78; Điều 302; Điều 303; Điều 304 của Luật Kinh doanh Thương mại; Điều 147; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn X đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ bảo vệ.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền tổng cộng là 1.023.352.745 (một tỷ không trăm hai mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D còn phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn X đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D đối với yêu cầu bồi thường 78.644.284 (bảy mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi bốn) đồng tiền thuế VAT.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D phải chịu 42.700.000 (bốn mươi hai triệu bảy trăm nghìn) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn X phải chịu 3.932.000 (ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, khấu trừ số tiền 35.816.000 (ba mươi lăm triệu tám trăm mười sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0008762 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do Trần Thị Thu H nộp thay); Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X số tiền là 31.884.000 (ba mươi một triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

4. Án phí phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Khấu trừ vào số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai 0005993 ngày 14-3-2024 và số tiền 1.700.000 (một triệu bảy trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0006035 ngày 28-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao Hà Nội - Vụ giám đốc kiểm tra. Vụ 2
- TAND Cấp cao
- VKSND Cấp cao
- VKSND tỉnh;
- TAND H.TC,TN.;
- Chi cục Thi hành án dân sự TC,TN;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Giang

- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

